

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26-01-2026
“V/v Ly hôn giữa bà S và ông S1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị S**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Dương Quang S1**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh An Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án, bà Đỗ Thị S trình bày như sau:

Bà Đỗ Thị S (gọi tắt là bà S) và ông Dương Quang S1 (gọi tắt là ông S1) chung sống với nhau vào năm 2002 được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất hòa, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không hạnh phúc. Ngoài ra ông S1 còn có tính ghen tuông nhiều lần xúc phạm danh dự của vợ và có lần còn hành hung đánh đập bà S đến thương tích. Mặc dù bà S đã cố gắng để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện do từ nhiều năm nay tính tình ông S1 không thể thay đổi. Hiện nay bà S không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với chồng, bà S đã sống ly thân với ông S1. Tại phiên toà bà S tiếp tục yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông S1.

Về con chung: Bà S xác định vợ chồng có hai con chung tên Dương Thị Hằng N, sinh ngày 05/11/2003 đã trưởng thành và phát bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Dương Thị Bích T, sinh ngày 10/9/2011 bà S có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông S1 cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung của vợ chồng, bà S xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung của vợ chồng và người khác nợ vợ chồng bà S xác định không có.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Dương Quang S1 có ý kiến trình bày như sau:

Ông S1 thống nhất với ý kiến của bà S về thời gian vợ chồng chung sống vào năm 2002 và xác định từ khi chung sống đến nay vợ chồng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông S1 xác định vợ chồng chung sống ít nhiều cũng có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn vợ chồng có thể hàn gắn được, bản thân ông sẽ thay đổi theo mong muốn của bà S và mong bà S quay về sống chung để vợ chồng cùng nuôi dạy con. Ông S1 không đồng ý ly hôn với bà S.

Về con chung, ông S1 thống nhất với lời trình bày của bà S về con chung của vợ chồng. Hiện nay các con chung đã lớn muốn sống với ai người đó nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, ông S1 không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng mà xác định vợ chồng tự thỏa thuận. Đối với nợ chung ông S1 còn xác định vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Dương Thị Bích T có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Kết quả thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp đơn yêu cầu xác nhận chưa đăng ký kết hôn nhân; giấy khai sinh của các con chung của vợ chồng, bản sao căn cước công dân, bản tự khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định. Viện kiểm sát không có kiến nghị về phần tố tụng.

Nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 53, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận vợ chồng giữa bà S và ông S1. Về con chung giao con chung Dương Thị Bích T, sinh ngày 10/9/2011 cho bà S nuôi dưỡng sau khi ông bà không còn chung sống. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà S không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng các đương sự xác định không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Tân Thạnh, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

Quan hệ pháp luật: Bà S xin ly hôn với ông S1 và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà S, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Tòa án bà S và ông S1 đều xác định vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2002 cho đến nay chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong “Đơn yêu cầu xác nhận chưa đăng ký kết hôn” ngày 23/6/2025 của bà S đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, huyện An Minh (Nay xã Tân Thạnh, tỉnh An Giang) xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Đỗ Thị S và ông Dương Quang S1 chưa đăng ký kết hôn tại địa phương. Việc bà S và ông S1 chung sống cùng nhau nhưng không thực hiện

đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà S xin ly hôn căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông S1.

Về con chung: Bà S và ông S1 có hai người con chung. Đối với con chung tên Dương Thị Hằng N sinh ngày 05/11/2003 đã trưởng thành và phát bình thường nên Tòa án không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với cháu Dương Thị Bích T sinh ngày 10/9/2011 có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, xét thấy hiện tại bà S làm ruộng và buôn bán nhỏ có thu nhập đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Dương Thị Bích T sinh ngày 10/9/2011 cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ông, bà không tiếp tục chung sống cùng nhau.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của bà S không yêu cầu ông S1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu và xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà S là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị S và ông Dương Quang S1.

2. Về con chung: Bà Đỗ Thị S và ông Dương Quang S1 có 02 người con chung là Dương Thị Hằng N, sinh ngày 15/11/2003 và Dương Thị Bích T, sinh ngày 10/9/2011.

Đối với con chung tên Dương Thị Hằng N, sinh ngày 05/11/2003 đã trưởng thành và phát bình thường nên Tòa án không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Đối với cháu Dương Thị Bích T, sinh ngày 10/9/2011 được giao cho bà Đỗ Thị S nuôi dưỡng sau khi ông, bà không tiếp tục sống chung theo nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của bà Đỗ Thị S không yêu cầu ông Dương Quang S1 phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ông, bà không tiếp tục sống chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết ông, bà có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu và xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đỗ Thị S có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004702 ngày 16/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - An Giang. Bà Đỗ Thị S đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 26/01/2026.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự" /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- PTHADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu, HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm